

MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VẬN DỤNG ĐỂ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ TRANH CHẤP VỀ CẦM CỐ TÀI SẢN

(Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314, Điều 315, Điều 316 Bộ luật Dân sự năm 2015)

Để thực hiện tốt nhiệm vụ hòa giải ở cơ sở, hòa giải viên cần chủ động tìm hiểu, nắm vững các quy định pháp luật, nhất là trong lĩnh vực dân sự. Khi tiếp nhận hòa giải các vụ, việc tranh chấp liên quan tới cầm cố tài sản, hòa giải viên cần hiểu rõ quy định của Bộ luật Dân sự về quyền và nghĩa vụ của các bên cầm cố tài sản để hướng dẫn, giúp đỡ các bên tranh chấp nhận thức đúng quy định pháp luật để đi đến thỏa thuận, hòa giải thành, cụ thể như sau:

Cầm cố tài sản là việc một bên (bên cầm cố) giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia (bên nhận cầm cố) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

CÁC LOẠI TÀI SẢN THUỘC QUYỀN SỞ HỮU CỦA CÁ NHÂN KHÔNG ĐƯỢC CẦM CỐ

Tài sản gắn liền với nhân thân như: quyền nhân thân, thân thể, sức lao động, danh dự, uy tín...

Tài sản mà pháp luật cấm giao dịch như: vũ khí, đạn dược, chất nổ, ma túy, chất gây nghiện, động vật hoang dã quý, hiếm.

Tài sản hạn chế giao dịch theo pháp luật như: đất đai hạn chế chuyển nhượng, tài sản đang bị tranh chấp hoặc kê biên thi hành án.



NGHĨA VỤ CỦA BÊN CẦM CỐ



1. Giao tài sản cầm cố cho bên nhận cầm cố theo đúng thỏa thuận.
2. Báo cho bên nhận cầm cố về quyền của người thứ ba đối với tài sản cầm cố, nếu có; trường hợp không thông báo thì bên nhận cầm cố có quyền hủy hợp đồng cầm cố tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc duy trì hợp đồng và chấp nhận quyền của người thứ ba đối với tài sản cầm cố.
3. Thanh toán cho bên nhận cầm cố chi phí hợp lý để bảo quản tài sản cầm cố, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

QUYỀN CỦA BÊN CẦM CỐ

1. Yêu cầu bên nhận cầm cố chấm dứt việc sử dụng tài sản cầm cố trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 314 của Bộ luật này nếu do sử dụng mà tài sản cầm cố có nguy cơ bị mất giá trị hoặc giảm sút giá trị.
2. Yêu cầu bên nhận cầm cố trả lại tài sản cầm cố và giấy tờ liên quan, nếu có khi nghĩa vụ được bảo đảm bằng cầm cố chấm dứt.
3. Yêu cầu bên nhận cầm cố bồi thường thiệt hại xảy ra đối với tài sản cầm cố.
4. Được bán, thay thế, trao đổi, tặng cho tài sản cầm cố nếu được bên nhận cầm cố đồng ý hoặc theo quy định của luật.

NGHĨA VỤ CỦA BÊN NHẬN CẦM CỐ

1. Bảo quản, giữ gìn tài sản cầm cố; nếu làm mất, thất lạc hoặc hư hỏng tài sản cầm cố thì phải bồi thường thiệt hại cho bên cầm cố.

2. Không được bán, trao đổi, tặng cho, sử dụng tài sản cầm cố để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác.

3. Không được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

4. Trả lại tài sản cầm cố và giấy tờ liên quan, nếu có khi nghĩa vụ được bảo đảm bằng cầm cố chấm dứt hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác.



QUYỀN CỦA BÊN NHẬN CẦM CỐ



1. Yêu cầu người đang chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật tài sản cầm cố trả lại tài sản đó.

2. Xử lý tài sản cầm cố theo phương thức đã thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

3. Được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố, nếu có thỏa thuận.

4. Được thanh toán chi phí hợp lý bảo quản tài sản cầm cố khi trả lại tài sản cho bên cầm cố.

HIỆU LỰC CỦA CẦM CỐ TÀI SẢN

1. Hợp đồng cầm cố tài sản có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

2. Cầm cố tài sản có hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm bên nhận cầm cố nắm giữ tài sản cầm cố.

Trường hợp bất động sản là đối tượng của cầm cố theo quy định của luật thì việc cầm cố bất động sản có hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm đăng ký.



CHẤM DỨT CẦM CỐ TÀI SẢN TRONG TRƯỜNG HỢP SAU ĐÂY:



1. Nghĩa vụ được bảo đảm bằng cầm cố chấm dứt.

2. Việc cầm cố tài sản được hủy bỏ hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác.

3. Tài sản cầm cố đã được xử lý.

4. Theo thỏa thuận của các bên.



**Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau thực hiện
tháng 12/2025**